

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 69/2022/HNGĐ - ST

Ngày 27/12/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn C, sinh năm 1972

Đều cùng địa chỉ: Thôn Vạn Minh, xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh C. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hà Văn C kết hôn năm 1994 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, nay là xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB. Do thời gian đã lâu nên chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn, rượu chè. Chị và anh C sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn chị xin được ly hôn anh Hà Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là: Hà Thị Kiều O, sinh ngày 23/5/1995. Ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hà Văn C là bị đơn khai. Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 1994 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, nay là xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB. Do thời gian đã lâu nên anh đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Anh và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H không tôn trọng chồng. Anh và chị H sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là: Hà Thị Kiều O, sinh ngày 23/5/1995. Ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Hà Văn C chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C là vợ chồng. Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là: Hà Thị Kiều O, sinh ngày 23/5/1995, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung giữa chị H và anh C. Về án phí, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Văn C có địa chỉ tại xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C khai anh chị kết hôn năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, nay là xã ĐQ, huyện ĐH, tỉnh TB. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên anh chị đã làm mất giấy chứng đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H khai do anh C không tu chí làm ăn và rượu chè, anh C khai do chị H không tôn trọng chồng. Chị H xin ly hôn anh C nhưng anh C không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐQ thì chị H và anh C chung sống với nhau từ năm 1994. Hiện Ủy ban nhân dân xã ĐQ chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 2000 trở lại đây, qua kiểm tra không thể hiện chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C có đăng ký kết hôn. Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở về trước, Ủy ban nhân dân xã không còn lưu trữ. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã ĐQ không có căn cứ để khẳng định chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C là vợ chồng. Chị H xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, mặc dù chị H, anh C trình bày anh chị có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã ĐQ không còn lưu hồ sơ nên không có căn cứ xác định chị H, anh C đã đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử không công nhận là vợ chồng giữa chị H và anh C.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là Hà Thị Kiều O, sinh ngày 23/5/1995. Ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết về tài sản chung giữa chị H và anh C.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn C có 01 con chung là Hà Thị Kiều O, sinh ngày 23/5/1995. Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003190 ngày 14/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐQ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Lan Phương